

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 3 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Bửu Thương
Ông Võ Sĩ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ý N, sinh năm: 1998; Cư trú tại: Ấp V, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Chiến T, sinh năm: 1994; Cư trú tại: Ấp V, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị Ý N trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Chiến T chung sống vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Xuyên, thành phố Cà Mau năm 2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh Nều mâu thuẫn do anh T không chăm lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Đến tháng 4 năm 2017, anh T đi làm xa, không về thăm vợ con, chỉ khi có việc cần anh T mới về, từ đó vợ chồng không còn chung sống đến nay. Chị xác định hôn nhân giữa chị và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, không hạnh phúc, không thể hàn gắn, chị không còn tình cảm với anh T, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Khánh B, sinh ngày 18/01/2017, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị N xác định không có nợ chung, không ai nợ lại anh, chị.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Chiến T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho anh T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Anh Nguyễn Chiến T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh Nguyễn Chiến T.

[2] Hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng chị Trần Thị Ý N và anh Nguyễn Chiến T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh Nền mẫu thuẫn do anh T không chăm lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Đến tháng 4 năm 2017, anh T đi làm xa, không về thăm vợ con, từ đó vợ chồng không còn chung sống đến nay. Tại phiên tòa, chị N xác định chị không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Xét thấy, chị N và anh T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, thực tế anh, chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Đối với anh T không có ý kiến với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không xem xét. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị N về việc ly hôn với anh T là có căn cứ.

[3] Con chung: Chị N và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Khánh B, sinh ngày 18/01/2017, hiện nay sống cùng chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Khánh B hiện nay còn nhỏ, đang sống chung ổn định với chị N, cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ nên cần tạo điều kiện để cháu được ổn định cuộc sống, phát triển tốt nhất về tâm, sinh lý. Anh T không có ý kiến nên không xem xét. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị N giao cháu Nguyễn Khánh B cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị N không yêu cầu nên không đặt xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Tài sản chung: Chị N xác định không có. Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Chị N xác định không có anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ý N về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chiến T.

Con chung: Giao Nguyễn Khánh B, sinh ngày 18/01/2017, đang sống cùng chị Trần Thị Ý N cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Ý N phải nộp 300.000 đồng. Ngày 24/6/2021, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001193, được đối trừ, chuyển thu, nộp vào Ngân sách nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã An Xuyên, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân

